TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **518**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9- 2024
V/v: Tranh chấp "*ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Điệp
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 776/2023/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2024/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2024/QĐ-HPT ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Thái Văn Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần 2 không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2023 nguyên đơn là chị Trần Thị G trình bày:

Chị với chồng là anh Thái Văn Đ tự quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2017 không có tổ chức lễ cước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 07/9/2018. Sau khi cưới vợ chồng chung

sống không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Chị với anh Đ đã sống ly thân nhiều năm. Về con chung chị với anh Đ chung sống có 01 người con chung là Thái Trần Gia T, sinh ngày 13/7/2018 đang sống chung với chị G. Chị G khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Đ, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Thái Văn Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập anh Thái Văn Đ tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị G và anh Đ là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định

tại định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị G cho rằng giữa chị và anh Đ thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị G xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị và anh Đ không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Đ Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng anh Đ không có mặt và không có ý kiến phản hồi việc ly hôn của chị G. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng phải cùng nhau xây dựng, nhưng chị G không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị G được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị G xác định có 01 người con chung Thái Trần Gia T, sinh ngày 13/7/2018 đang sống với chị. Chị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nhuôi dưỡng cháu Gia T. Theo quy định của Luật hôn nhân và đình vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng anh Đ đều vắng mặt không cung cấp tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con và cũng không đưa ra được chứng cứ chị G không đảm bảo việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Tại thời điểm xét xử cháu Gia T còn nhỏ, nên tiếp tục giao cháu Gia T cho chị G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị G phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G được ly hôn với anh Thái Văn Đ.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Thái Trần Gia T, sinh ngày 13/7/2018, cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002411 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị G, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Luân